

**BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM**  
(Ngày 18 tháng 12 năm 2024)

**I. THÔNG TIN CHUNG**

**1. Người kê khai tài sản, thu nhập**

- Họ và tên: **LÊ ĐỨC NĂM** Ngày tháng năm sinh: 19/05/1981
- Chức vụ/chức danh công tác: Bí thư chi bộ, Hiệu trưởng.
- Cơ quan/đơn vị công tác: Trường Tiểu học Kim Đồng - quận Kiến An- thành phố Hải Phòng.
- Nơi thường trú: Thôn Độc Lập- An Thọ- An Lão- Hải Phòng.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân<sup>(3)</sup>: 034081000143 ngày cấp 16/6/2014 nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát quản lý Hành chính về trật tự xã hội.

**2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập**

- Họ và tên: **Nguyễn Thị Hương** Ngày tháng năm sinh: 18/3/1977
- Nghề nghiệp: Kinh doanh
- Nơi làm việc<sup>(4)</sup>: Thôn Độc Lập – Xã An Thọ - Huyện An Lão - Hải Phòng.
- Nơi thường trú: Thôn Độc Lập – Xã An Thọ - Huyện An Lão - Hải Phòng.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân<sup>(3)</sup>: 031177007603 ngày cấp 10/8/2021 nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát quản lý Hành chính về trật tự xã hội.

**3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)**

**3.1. Con thứ nhất:**

- Họ và tên: **Lê Đức Anh** Ngày tháng năm sinh: 14/12/2007
- Nơi thường trú: Thôn Độc Lập – Xã An Thọ - Huyện An Lão - Hải Phòng.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 031207011897 ngày cấp 07/03/2022 nơi cấp Cục trưởng cục cảnh sát quản lý Hành chính về trật tự xã hội.

**3.2. Con thứ hai (trở lên):**

- Họ và tên: **Lê Đức Tú** Ngày tháng năm sinh: 12/12/2012
- Nơi thường trú: Thôn Độc Lập – Xã An Thọ - Huyện An Lão - Hải Phòng.
- Số định danh: 031212004586.

## II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN<sup>(5)</sup>

### 1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất<sup>(6)</sup>:

#### 1.1. Đất ở<sup>(7)</sup>:

##### 1.1.1. Thửa thứ nhất:

- Địa chỉ<sup>(8)</sup>: Thôn Độc Lập- An Thọ - An Lão- Hải Phòng
- Diện tích<sup>(9)</sup>: 200 m<sup>2</sup>
- Loại nhà<sup>(14)</sup>: Nhà ở riêng lẻ
- Giá trị<sup>(10)</sup>: 96.000.000 đồng ( mua năm 2004)
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: Giấy chứng nhận số X620532 của UBND huyện An Lão cấp ngày 20/11/2004 cho quyền sử dụng đất ông Lê Đức Năm và bà Nguyễn Thị Hương.
- Thông tin khác (nếu có)<sup>(12)</sup>: Không

##### 1.1.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất. không có

#### 1.2. Các loại đất khác<sup>(13)</sup>: Không có

##### 1.2.2. Thửa thứ 2 (trở lên):

### 2. Nhà ở, công trình xây dựng:

#### 2.1. Nhà ở:

##### 2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ: Thôn Độc Lập- An Thọ - An Lão- Hải Phòng.
- Loại nhà<sup>(14)</sup>: Nhà ở riêng lẻ
- Diện tích sử dụng<sup>(15)</sup>: 90 m<sup>2</sup>
- Giá trị<sup>(10)</sup>: 1. 200.000.000 đồng
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: Giấy chứng nhận số X620532 của UBND huyện An Lão cấp ngày 20/11/2004 cho quyền sử dụng đất ông Lê Đức Năm và bà Nguyễn Thị Hương.
- Thông tin khác (nếu có): Không

##### 2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Không có

#### 2.2. Công trình xây dựng khác<sup>(16)</sup>: Không có

##### 2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất<sup>(17)</sup>:

3.1. Cây lâu năm<sup>(18)</sup>:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

3.2. Rừng sản xuất<sup>(19)</sup>:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên<sup>(20)</sup>: Không có

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên<sup>(21)</sup>: Không có

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): Không có

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

6.3. Vốn góp<sup>(22)</sup>:

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác<sup>(23)</sup>:

- Tên giấy tờ có giá: ..... Giá trị:.....

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)<sup>(24)</sup>:

- Tên tài sản:

+ *Xe thứ nhất*: Xe mô tô nhãn hiệu Honda; số loại LEAD; Số đăng ký: 15B3.

812.77 Giá trị: 55 triệu đồng (*mua năm 2020*).

+ *Xe thứ hai*: Xe Ô tô con; nhãn hiệu Honda - BRIO; loại 5 chỗ; Số đăng ký: 15A 929.82 Giá trị 400 triệu đồng (*mua năm 2021*).

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)<sup>(25)</sup>: Không có

8. Tài sản ở nước ngoài<sup>(26)</sup>: Không có

9. Tài khoản ở nước ngoài<sup>(27)</sup>: Không có

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai<sup>(28)</sup>:

- Tổng thu nhập của người kê khai: 163,689.000 đồng.

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 180.000.000 đồng.

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: Không

- Tổng các khoản thu nhập chung: Không

### III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM<sup>(29)</sup>

Loại tài sản, thu nhập	Tăng <sup>(30)</sup> /giảm <sup>(31)</sup>		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất			
1.1. Đất ở			
1.2. Các loại đất khác			
2. Nhà ở, công trình xây dựng			
2.1. Nhà ở			
2.2. Công trình xây dựng khác			
3. Tài sản khác gắn liền với đất			
3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất			
3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất			
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các			

<p>kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên</p> <p>5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.</p> <p>6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):</p> <p>6.1. Cổ phiếu</p> <p>6.2. Trái phiếu</p> <p>6.3. Vốn góp</p> <p>6.4. Các loại giấy tờ có giá khác</p> <p>7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:</p> <p>7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).</p> <p>7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).</p> <p>8. Tài sản ở nước ngoài.</p> <p>9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai<sup>(32)</sup>.</p>		<p>+ 76.999.000đồng</p>	<p>- Tổng thu nhập của vợ;</p> <p>- Tiền lương hằng tháng; thu nhập tăng thêm theo NQ 05/2022 NQ - HĐND; NQ 01/2023-HĐND; tăng lương cơ sở.</p>
---	--	-------------------------	---

Kiến An, ngày 19 tháng 12 năm 2024  
**NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI**  
*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)*



**Nguyễn Thị Thanh Hương**

Kiến An, ngày 18 tháng 12 năm 2024  
**NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN**  
*(Ký, ghi rõ họ tên)*



**Lê Đức Năm**